

## CÂU ĐIỀU KIỆN (CONDITIONAL SENTENCES)

### A. CÂU ĐIỀU KIỆN (CONDITIONAL SENTENCES)

#### \* Câu điều kiện gồm 2 phần:

- Một mệnh đề bắt đầu bằng "if" (mệnh đề điều kiện)
  - Một mệnh đề nêu lên kết quả (mệnh đề chính).
- Nếu mệnh đề "If" đứng đầu thì giữa 2 mệnh đề có dấu (,).

### I. Câu điều kiện loại I (Conditional sentence Type I)

#### 1. Cấu trúc (Form).

Mệnh đề If (If clause)	Mệnh đề chính (Main clause)
<b>S + V/V<sub>-s/es</sub></b> (Simple Present)	<b>S +   will/shall   + V<sub>inf</sub></b> <b>  can/may  </b> (Simple Future)

#### 2. Cách dùng (Usage).

\* Diễn tả những hành động, sự việc có thể xảy ra, hoặc không thể xảy ra ở hiện tại hoặc tương lai. (câu điều kiện loại I diễn tả 1 điều kiện có khả năng trở thành hiện thực)

#### Ví dụ:

- *If you press the red button, the car stops/ will stop.*  
*Nếu bạn ấn cái nút màu đỏ, chiếc xe sẽ dừng lại.*
- *The dogs will bite you if you touch him.*  
*Con chó sẽ cắn bạn nếu bạn chạm vào nó.*
- *If you study hard, you can get good grades.*  
*Nếu em học chăm, em có thể đạt điểm cao.*

♣ **BIẾN THỂ:** nếu câu điều kiện loại I diễn tả 1 mệnh lệnh, yêu cầu, đề nghị thì mệnh đề chính có thể thay bằng câu mệnh lệnh.

(+) (Please) V

(-) (Please) Don't V

#### Ví dụ:

- *If you do past the grocery store, buy me some eggs.*  
*Nếu bạn đi qua cửa hàng tạp hóa, mua cho tôi mấy quả trứng.*
- *Don't sleep in the classroom if you don't want your teacher to be angry.*  
*Đừng ngủ trong lớp nếu bạn không muốn giáo viên nổi giận.*

#### ♣ NOTES:

\* Nếu các câu điều kiện diễn tả 1 việc tất yếu xảy ra, khi ta thực hiện được việc trong mệnh đề "If" thì ta có thể dùng thì hiện tại đơn ở mệnh đề chính thay vì tương lai đơn (zero conditional sentence).

#### Ví dụ:

- *If you stand in the sun for a long time, your skin gets darker.*  
*Nếu bạn đứng dưới nắng quá lâu, da bạn sẽ xạm đi.*
- *If you boils water to 100°C, it boils.*  
*Nếu bạn đun nước tới 100°C thì nước sôi.*

\* Nếu ở mệnh đề "If" là 1 hành động chắc chắn xảy ra thì có thể thay "If" bằng "when".

#### Ví dụ:

- *When you boils water to 100°C, it boils.*  
*Khi bạn đun nước tới 100°C thì nước sôi.*

## II. Câu điều kiện loại II (Conditional sentence Type II)

### 1. Cấu trúc (Form).

Mệnh đề If (If clause)	Mệnh đề chính (Main clause)
<b>S + V<sub>-ed</sub>/V<sub>I</sub></b> (Past subjunctive/Simple Past)	<b>S + would/could/might + V<sub>inf</sub></b> (Present Conditional)

\* Thì quá khứ giả định (*Past Subjunctive*) giống như thì quá khứ đơn, riêng động từ “to be” được chia là “were” cho tất cả các ngôi; tuy nhiên trong văn nói ta có thể dùng “was” với I, He, She, It.

\* Would thường được viết tắt là 'd.

### 2. Cách dùng (Usage).

\* Diễn tả 1 hành động, sự việc không thể xảy ra hoặc không thể thực hiện ở hiện tại hoặc tương lai.

#### Ví dụ:

- *If Kien knew the answer, he would tell everyone. (But he don't know now)*

*Nếu Kiên biết đáp án, anh ấy sẽ nói cho mọi người. (Nhưng giờ anh ấy không biết)*

- *If I had a cake, I would eat it up.*

*Nếu tôi có 1 cái bánh, tôi sẽ ăn hết luôn.*

- *If I were you, I would go to England*

*Nếu tôi là bạn, tôi sẽ đi Anh.*

#### ♣ BIẾN THỂ:

\* Biến thể của mệnh đề “If”: khi muốn nhấn mạnh ý tiếp diễn của hành động trong mệnh đề “If”, ta thay Quá khứ đơn bằng Quá khứ tiếp diễn.

\* Biến thể của mệnh đề chính: khi muốn nhấn mạnh ý tiếp diễn của hành động trong mệnh đề chính ta sử dụng:

$$S + \begin{array}{|c} \text{would} \\ \text{could} \\ \text{might} \end{array} + \text{be V}_{\text{ing}}$$

## III. Câu điều kiện loại III (Conditional sentence Type III)

### 1. Cấu trúc (Form).

Mệnh đề If (If clause)	Mệnh đề chính (Main clause)
<b>S + had + past participle (V<sub>II</sub>)</b> (Past Perfect)	<b>S + would/could have + V<sub>II</sub></b> (Perfect Conditional)

### 2. Cách dùng (Usage).

\* Diễn tả 1 hành động, sự việc không thể xảy ra hoặc không thể thực hiện được ở quá khứ.

#### Ví dụ:

- *If I had studied harder, I would have passed the exam. (But I didn't)*

*Nếu tôi học hành chăm chỉ hơn thì tôi đã vượt qua được kì thi rồi. (Nhưng tôi đã không chăm)*

- *If she had invited me to the party, I wouldn't have had to go to the supermarket with my mom.*

*Nếu cô ấy mời tôi đi dự tiệc, tôi đã không phải đi siêu thị với mẹ rồi.*

#### ♣ BIẾN THỂ:

\* Khi muốn nhấn mạnh ý tiếp diễn của hành động trong câu điều kiện loại III, có thể thay thì Quá khứ hoàn thành trong mệnh đề “If” bằng Quá khứ hoàn thành tiếp diễn; thay cách thức của mệnh đề chính bằng “would have been V<sub>ing</sub>”.

**Ví dụ:**

- *If it hadn't been raining at 8 p.m yesterday, he wouldn't have been walking in the rain.*

*Nếu hôm qua trời không mưa vào lúc 8 giờ tối thì anh ta đã không phải đi trong mưa rồi.*

**IV. Câu điều kiện hỗn hợp (Mixed conditional).****1. Cấu trúc (Form).**

Mệnh đề If (If clause)	Mệnh đề chính (Main clause)
<b>S + had + past participle (V<sub>II</sub>)</b> (Past Perfect)	<b>S + would/could + V<sub>inf</sub></b> (Present Conditional)

**2. Cách dùng (Usage).**

\* Diễn tả điều kiện giả định ở quá khứ và kết quả không thực hiện được ở hiện tại.

**Ví dụ:**

- *If he hadn't walk in the rain last night, he wouldn't be sick now.*

*Nếu tối qua anh ta không đi mưa, bây giờ anh ta đã không bị ốm.*

**V. Câu điều kiện đảo (Đảo ngữ trong câu điều kiện)**

\* Trong văn phong trang trọng, người ta có thể sử dụng câu điều kiện ở dạng đảo ngữ.

**1. Câu điều kiện loại I.**

\* **Cách đảo:** bỏ "If" thay bằng "should", động từ chính đưa về nguyên thể, mệnh đề chính giữ nguyên.

**Should + S + V<sub>inf</sub>**

**Ví dụ:**

- *If you call me, I will answer immediately.*

→ *Should you call me, I will answer immediately.*

**2. Câu điều kiện loại II.**

\* **Cách đảo:**

- Nếu động từ trong mệnh đề "If" là "to be" thì bỏ "If" đảo "were" lên trước chủ ngữ.

**Were + S + .....**

- Nếu động từ trong mệnh đề "If" là động từ thường thì bỏ "If" thay bằng "were", động từ chính đổi về nguyên thể có "to".

**Were + S + to V<sub>inf</sub> .....**

**Ví dụ:**

- *If you had the answer, we would be better.*

→ *Were you to have the answer, we would be better.*

**3. Câu điều kiện loại III.**

\* **Cách đảo:**

- Với câu khẳng định: bỏ "If", đảo "Had" lên đầu câu.

**Had + S + V<sub>II</sub> .....**

**Ví dụ:**

- *If you had helped me, I would have finished my homework.*

→ *Had you helped me, I would have finished my homework.*

- Với câu phủ định: có thể bỏ "If", đảo "Hadn't" lên đầu câu; hoặc bỏ "If", đảo "Had" lên đầu câu và thêm "not" vào sau chủ ngữ.

**Hadn't + S + V<sub>II</sub> .....**

**Had + S + not V<sub>II</sub> .....**

**Ví dụ:**

- *If it hadn't been for her money, he wouldn't have married her.*
- *Hadn't it been for her money, he wouldn't have married her.*
- *Had it not been for her money, he wouldn't have married her.*

**VI. Các từ có thể thay thế cho "If".****1.**

- <b>Unless (=if....not)</b> (trừ phi, trừ khi)	<b>+ clause,</b> (mệnh đề)	<b>main clause.</b> (mệnh đề chính)
- <b>As/So long as</b> (miễn là)		
≈ <b>Provided/Providing (that)</b> (miễn là)		
Được sử dụng thay thế cho "If" khi người nói có ý nhấn mạnh sự hạn chế		
- <b>Supposed/Supposing</b> (giả sử, giả dụ)		

**Ví dụ:**

- *If she doesn't turn up, I will report to the chairman.*
- *Unless she turns up, I will report to the chairman.*
- Trừ khi cô ta đến, tôi sẽ báo cáo cho chủ tọa.*
- *As long as you love me, I will do everything for you.*
- Miễn là em yêu anh, anh sẽ làm mọi thứ cho em.*
- *Supposing you lost everything, what would you do?*
- Giả sử bạn mất hết mọi thứ, bạn sẽ làm gì?*

**2.**

- <b>Without ≈ But for</b>	<b>Noun</b> (danh từ), <b>Noun phrase</b> (cụm danh từ),	<b>main clause.</b> (mệnh đề chính)
≈ <b>Were it not for (Type II)</b>		
≈ <b>Had it not been for (Type III)</b>		
Nếu không có, nếu không nhờ, vì		

**Ví dụ:**

- *If you hadn't given me money at that time, I would have died of hunger.*
- *Without/But for your money at that time, I would have died of hunger.*
- *If it hadn't been for at that time, I would have died of hunger.*
- Nếu bạn không cho tôi tiền vào lúc đó, chắc tôi đã chết vì đói rồi.*

**3. Trong trường hợp, trong tình huống, chẳng may mà, .....**

- <b>In case</b>	<b>of</b>	<b>+ N/N<sub>phr.</sub></b>
	<b>(that)</b>	<b>+ clause</b>

→ Trong mệnh đề theo sau "in case", ta thường dùng thì hiện tại đơn hoặc quá khứ đơn, không bao giờ dùng "will" hoặc "would".

≈ <b>In the event</b>	<b>of</b>	<b>+ N/N<sub>phr.</sub></b>
	<b>that</b>	<b>+ clause</b>

≈ **On condition that** + clause

**Ví dụ:**

- *I keep the keys in case he goes home late.*
- Tôi giữ chìa khóa phòng khi anh ấy về muộn.*
- *In the event of a fire, call 115.*
- Chẳng may mà có cháy, hãy gọi 115.*

#### 4. **Otherwise** (nếu không thì)

Ví dụ:

- *You must follow the leader's instructions; otherwise, you get lost.*

*Bạn phải đi theo chỉ dẫn của nhóm trưởng, nếu không bạn sẽ bị lạc.*

**B. BÀI TẬP TỰ LUYỆN.****I. Choose the best answer to each of the following questions.**

1. If the weather \_\_\_\_\_, we'll stay at home.  
A. get                      B. gets                      C. got                      D. will get
2. If you touch that dog, it \_\_\_\_\_ you.  
A. would bite              B. will bite              C. bitten                      D. bites
3. Unless you \_\_\_\_\_ all your debts, they will sue you.  
A. have paid              B. pays                      C. paid                      D. pay
4. If it \_\_\_\_\_ this weekend, we'll go skiing.  
A. snows                      B. snow                      C. will snow                      D. snowed
5. If I \_\_\_\_\_ find a interesting book, I'll give it to Hermione.  
A. could                      B. can                      C. will                      D. had
6. \_\_\_\_\_ a prisoner escape, press the alarming button.  
A. Were                      B. Had                      C. Should                      D. If
7. If you feel dizzy and tired, \_\_\_\_\_ working too hard.  
A. continued              B. will continue              C. continue                      D. don't continue
8. If we don't take any actions now, the epidemic \_\_\_\_\_ spread.  
A. must                      B. shall                      C. would                      D. may
9. You \_\_\_\_\_ the exam unless you try harder.  
A. wouldn't pass              B. shall pass              C. will pass                      D. won't pass
10. If you give me a good reason for this accident, I \_\_\_\_\_ it again.  
A. will never mention              B. never mention  
C. never mentioned              D. would never mention

**II. Choose the best answer to each of the following questions.**

11. If I were that shopkeeper, I \_\_\_\_\_ more careful.  
A. would be              B. shall be              C. will be                      D. can be
12. Were you \_\_\_\_\_ stuck in that cage, what would you do?  
A. gotten                      B. getting                      C. to get                      D. get
13. "If I could lift Mjolnir, I \_\_\_\_\_ Thor." - "No one can lift it, actually."  
A. were                      B. would be                      C. will be                      D. am
14. If I \_\_\_\_\_ thinner, I \_\_\_\_\_ better at football.  
A. were - would be                      B. am - would be  
C. am - will be                      D. had been - have been
15. If I were 2 years older, I \_\_\_\_\_ allowed to drive.  
A. shall be                      B. can be                      C. will be                      D. would be
16. If everyone \_\_\_\_\_ fly, how \_\_\_\_\_ the world be?  
A. can - will                      B. were to - would  
C. could - would                      D. can - would
17. If we \_\_\_\_\_ in Sai Gon, the weather \_\_\_\_\_ better.  
A. live - will be                      B. lived - will be  
C. lived - would be                      D. didn't live - would be
18. If I \_\_\_\_\_ more money, I would lend you more.  
A. had had                      B. have had                      C. have                      D. had

19. If I didn't have to sit the national exam, I \_\_\_\_\_ all the WC matches.  
 A. can watch                      B. could watch                      C. watch                      D. will watch
20. If you \_\_\_\_\_ less, you could lose weight.  
 A. eating                      B. eaten                      C. eat                      D. ate

### III. Choose the best answer to each of the following questions.

21. If you had taken her advice, you \_\_\_\_\_ in such trouble.  
 A. wouldn't have been                      B. hadn't been  
 C. wouldn't be                      D. won't be
22. If I \_\_\_\_\_ more money yesterday, I could have bought that bag.  
 A. had                      B. had had                      C. have                      D. did have
23. If he \_\_\_\_\_ sick, he would have come to my house.  
 A. hasn't been                      B. hadn't been                      C. had been                      D. were
24. \_\_\_\_\_ it been for flood, we would have reached the mountain.  
 A. Is                      B. Hadn't                      C. Were                      D. Haven't
25. \_\_\_\_\_, he wouldn't have missed the train.  
 A. If he hurried up                      B. If he hurries up  
 C. If he had hurried up                      D. If he is hurrying up
26. If Thor \_\_\_\_\_ a bargain, Hela wouldn't have broken his hammer.  
 A. had made                      B. has made                      C. makes                      D. made
27. I'd have told you if I \_\_\_\_\_ the keys.  
 A. have seen                      B. had seen                      C. saw                      D. see
28. Had you \_\_\_\_\_ the problem earlier, we wouldn't have been criticized.  
 A. solved                      B. solve                      C. can solve                      D. could solve
29. If they \_\_\_\_\_ on time, they would have seen that wonderful rainbow.  
 A. came                      B. come                      C. had come                      D. had came
30. Had he hadn't taken part in drug-trafficking, he \_\_\_\_\_ been arrested.  
 A. wouldn't have                      B. won't have                      C. can have                      D. might have

### IV. Choose the best answer to each of the following questions.

31. If my husband \_\_\_\_\_ the election, I would be happy now.  
 A. have won                      B. has won  
 C. had won                      D. won
32. If you hadn't stayed up late last night, you \_\_\_\_\_ so sleepy now.  
 A. aren't                      B. won't be  
 C. wouldn't have been                      D. wouldn't be
33. Had it not been for the system error this morning, I \_\_\_\_\_ lunch now.  
 A. will have                      B. would have had  
 C. can have                      D. would have
34. If my mom \_\_\_\_\_ to change a job last year, she \_\_\_\_\_ to China next week.  
 A. didn't decide - would go                      B. hadn't decided - would have gone  
 C. doesn't decide - will go                      D. hadn't decided - would go
35. You \_\_\_\_\_ a scientist now if you \_\_\_\_\_ the job then.  
 A. may be - had accepted                      B. might be - had accepted  
 C. may be - accept                      D. might be - accepted
36. If he \_\_\_\_\_ your misbehaviors then, you \_\_\_\_\_ in trouble now.  
 A. had minded - would be                      B. minded - would be  
 C. had minded - will be                      D. minded - would have been





**ĐÁP ÁN BÀI TẬP TỰ LUYỆN**

<b>1</b>	A	<b>11</b>	A	<b>21</b>	A	<b>31</b>	C	<b>41</b>	C
<b>2</b>	B	<b>12</b>	C	<b>22</b>	B	<b>32</b>	D	<b>42</b>	B
<b>3</b>	D	<b>13</b>	B	<b>23</b>	B	<b>33</b>	D	<b>43</b>	D
<b>4</b>	A	<b>14</b>	A	<b>24</b>	B	<b>34</b>	D	<b>44</b>	D
<b>5</b>	B	<b>15</b>	D	<b>25</b>	C	<b>35</b>	B	<b>45</b>	A
<b>6</b>	C	<b>16</b>	C	<b>26</b>	A	<b>36</b>	A	<b>46</b>	B
<b>7</b>	D	<b>17</b>	C	<b>27</b>	B	<b>37</b>	C	<b>47</b>	C
<b>8</b>	D	<b>18</b>	D	<b>28</b>	A	<b>38</b>	B	<b>48</b>	A
<b>9</b>	D	<b>19</b>	B	<b>29</b>	C	<b>39</b>	D	<b>49</b>	D
<b>10</b>	A	<b>20</b>	D	<b>30</b>	A	<b>40</b>	A	<b>50</b>	B